TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **44**/2022/DSST-ST
Ngày 06.9.2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đich**
- *Thư ký phiên toà*: **Ông Lã Phú Huy** - Thư ký Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà:* **Bà Trần Thị Hương Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLST-DSST ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc*: "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXXST-DSST ngày 29.7.2022, quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST-DS ngày 17.8.2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Bản Việt. Địa chỉ: Tòa nhà HM Town số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang Trung, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt. Ông Ngô Quang Trung uỷ quyền ông Nguyễn Phúc Huy, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ và thu hồi nợ *(theo quyết định số 239 ngày 01.6.2021)*. Ông Nguyễn Phúc Huy uỷ quyền cho: bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên, chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt *(theo giấy uỷ quyền số 149/2022/UQ-BVB ngày 18.4.2022)*.Địa chỉ liên hệ: số 267-269 Nguyễn Văn Linh, q T Khê, TP Đà Nẵng. có mặt

*** Bị đơn:** Ông Trương Anh T, sinh năm: 1986.Trú tại: K 29/1 PCL, phường AHĐ, quận S, TP. Đà Nẵng. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên trình bày:**

Ngày 15.11.2019, ông Trương Anh T có ký với Ngân Hàng TMCP Bản Việt giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng và đồng ý việc sử dụng thẻ sẽ tuân theo

Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt, Ngân hàng đã cung cấp có trong hồ sơ vụ án. (ông T ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 15.11.2019, được Ngân hàng chấp nhận vào ngày 18.11.2019 và thẻ có hiệu lực ngày 02.12.2019).

Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông T. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện 16 giao dịch bao gồm rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là: 308.520.431 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 11 lần với tổng số tiền là: 277.113.978 đồng (thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 9 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ T toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt) bắt đầu giai đoạn quá hạn từ 11.6.2021, Ngân hàng chúng tôi đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông T vay theo hình thức tín chấp, thẻ có hiệu lực từ ngày 02.12.2019 đến 31.12.2022, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 28%/năm, thay đổi theo từng thời kỳ và phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán (tối thiểu 100.000 đồng).

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông T vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt nên chúng tôi buộc ông T phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tiền ông T đã giao dịch trong 16 lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 11.11.2019: GD tiền mặt 50.000.000 đồng và GD mua hàng 35.480.000 đồng

+ Ngày 11.12.2019: GD mua hàng 14.000.000 đồng

+ Ngày 11.02.2020: GD mua hàng 9.728.764 đồng

+ Ngày 11.03.2020: GD tiền mặt 50.000.000 đồng và GD mua hàng 7.450.197 đồng

+ Ngày 11.04.2020: GD tiền mặt 52.500.000 đồng và GD mua hàng 32.914.893 đồng

+ Ngày 11.5.2020: GD tiền mặt 12.000.000 đồng và GD mua hàng 8.451.862 đồng

+ Ngày 11.6.2020: GD mua hàng 11.092.793 đồng

+ Ngày 11.7.2020: GD mua hàng 3.083.941 đồng

+ Ngày 11.8.2020: GD mua hàng 2.784.981 đồng

+ Ngày 11.9.2020: GD mua hàng 22.800.977 đồng

+ Ngày 11.12.2020: GD mua hàng 9.043.000 đồng

+ Ngày 11.3.2021: GD mua hàng 9.990.000 đồng

Tổng cộng nợ gốc ông T đã vay thể hiện qua các giao dịch qua các lần là: 308.520.431 đồng

Quá trình vay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi và phí là: 277.113.978 đồng (thanh toán từ 11.12.2019 đến 11.11.2021).

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng xác định tính đến ngày 06.9.2022 ông T còn nợ số tiền 239.245.638 đồng. Trong đó nợ gốc là 94.675.427 đồng, nợ lãi là: 65.805.352 đồng (lãi suất chỉ tính theo lãi trong hạn được ngân hàng công bố trong từng thời kỳ), nợ phí là: 78.764.869 đồng (đây là phí chậm thanh toán, là khoản phí được thu khi khách hàng không thanh toán dư nợ hoặc thanh toán dư nợ ít hơn Khoản thanh toán tối thiểu trong thời hạn thanh toán hoặc thanh toán toán dư nợ không đúng hạn- có trong khoản 7 Điều 3 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt) và đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông T tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi và phí phát sinh kể từ ngày 07.9.2022 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP Bản Việt.

* Bị đơn ông Trương Anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của ông Trương Anh T đã trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ thụ lý cho đến phiên toà xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ về tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt đối với ông Trương Anh T là có cơ sở căn cứ Điều 280 BLDS năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10

năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có đủ cơ sở đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu *"Tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ không dùng tiền mặt"* của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVB) đối với ông Trương Anh T.

- Buộc ông Trương Anh T phải trả cho Ngân hàng TMCP Bản Việt 239.245.638 đồng, trong đó: Nợ gốc là 94.675.427 đồng, nợ lãi: 65.805.352 đồng, nợ phí: 78.764.859 đồng.

- Buộc ông T tiếp tục phải trả cho Ngân hàng TMCP Bản Việt tiền lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 7/9/2022 cho đến khi ông T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: *Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt* giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt và ông Trương Anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trương Anh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 15.11.2019 ông Trương Anh T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo đó hai bên cam kết đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cùng với mẫu đơn này tạo nên hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Trương Anh T với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng để tiêu dùng cá nhân. Ông T được Ngân hàng thông báo về mức lãi suất thể 28%/ năm, thay đổi theo từng thời kỳ và phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán tối thiểu 100.000 đồng.

Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông T. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện 16 giao dịch bao gồm rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là: 308.520.431 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ

đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 11 lần với tổng số tiền là: 277.113.978 đồng (thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 9 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt) bắt đầu giai đoạn quá hạn từ 23.11.2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ. Tính đến ngày 06.9.2022 ông Trương Anh T còn nợ Ngân hàng số tiền **234.102.434 đồng.** Trong đó nợ gốc là 94.675.427 đồng, nợ lãi là: 60.662.148 đồng (lãi suất chỉ tính theo lãi trong hạn được ngân hàng công bố trong từng thời kỳ), nợ phí là: 78.764.859 đồng (đây là phí chậm thanh toán, là khoản phí được thu khi khách hàng không thanh toán dư nợ hoặc thanh toán dư nợ ít hơn Khoản thanh toán tối thiểu trong thời hạn thanh toán hoặc thanh toán dư nợ không đúng hạn- có trong khoản 7 Điều 3 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt) và đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông T tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi và phí phát sinh kể từ ngày 07.9.2022 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt với ông Trương Anh T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 23.11.2020 ông Trương Anh T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 14.6.2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tính đến ngày 06.9.2022 ông T còn nợ Ngân hàng số tiền **239.245.638 đồng (***hai trăm ba mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm ba mươi tám đồng***)**. Trong đó nợ gốc là 94.675.427 đồng, nợ lãi là: 65.805.352 đồng (lãi suất chỉ tính theo lãi trong hạn được ngân hàng công bố trong từng thời kỳ), nợ phí là: 78.764.859 đồng (đây là phí chậm thanh toán, là khoản phí được thu khi khách hàng không thanh toán dư nợ hoặc thanh toán dư nợ ít hơn Khoản thanh toán tối thiểu trong thời hạn thanh toán hoặc thanh toán dư nợ không đúng hạn- có trong khoản 7 Điều 3 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Bản Việt)

Hội đồng xét xử xét thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 7 Điều 3 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng như đã ký kết. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Anh T phải trả số tiền còn nợ nói trên là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b, khoản 1 Điều 14 Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt nên cần được chấp nhận.

[4] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 07.9.2022 trên số d□nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 15.11.2019 cho đến khi ông Trương Anh T thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bản Việt được chấp nhận nên bị đơn là ông Trương Anh T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Trương Anh T phải chịu là (239.245.638 đồng x 5%) = 11.962.282 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280 Bộ luật dân sự;
- khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
- Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 22/11/2021 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;
- Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt*" của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt đối với ông Trương Anh T.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trương Anh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt số tiền tính đến ngày 06.9.2022 là **239.245.638 đồng (***hai trăm ba mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm ba mươi tám đồng***)**. Trong đó nợ gốc là 94.675.427 đồng, nợ lãi là: 65.805.352 đồng và nợ phí là: 78.764.859 đồng **234.102.434 đồng.**

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 07.9.2022 trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng ngày 15.11.2019 cho đến khi ông Trương Anh T thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 11.962.282 đồng. (*mười một triệu, chín trăm sáu mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng*) ông Trương Anh T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt số tiền tạm ứng án phí 4.459.453 đồng (*bốn triệu, bốn trăm năm mươi chín ngàn, bốn trăm năm mươi ba đồng*) theo biên lai thu số 0003422 ngày 31.5.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3**.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKS ND quận Sơn Trà;
- Chi cục Thi hành án Sơn Trà;
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy